

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 1424/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 11 tháng 6 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Vĩnh Lợi đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ BL	
ĐẾN	Số: 16/9
	Ngày: 11/6/2012

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ các Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 và số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lợi tại Tờ trình số 13/TTr-UBND ngày 07/02/2012; Báo cáo số 71/BC-SKH ngày 08/5/2012 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Vĩnh Lợi đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Vĩnh Lợi đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

- Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội huyện Vĩnh Lợi đến năm 2020 phải bảo đảm phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; các địa bàn lân cận, các ngành lĩnh vực trên địa bàn, hình thành sự liên kết vùng vững chắc, tạo đà cho khả năng phát triển trong tương lai.

- Phát huy tối đa và hài hòa những lợi thế và cơ hội, giảm thiểu những hạn chế và thách thức, đảm bảo các trụ cột về tăng trưởng cũng như xã hội và môi trường được phát triển bền vững. Song song với tận dụng những lợi thế trước mắt về sản xuất nông - ngư nghiệp, đầu tư hình thành những lợi thế so sánh mới, các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ mới có khả năng cạnh tranh cao, mở ra những thị trường mới.

- Tập trung xây dựng nông thôn mới, áp dụng các tiến bộ khoa học và kỹ

- GĐ
- P.Đ. Hiền
- T.H.



thuật, khai thác các kinh nghiệm quản lý và sản xuất nông nghiệp, phát triển các hình thức hợp tác, cân đối lao động cho các ngành và lĩnh vực kinh tế và cuối cùng là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, nâng cao mức sống dân cư trong toàn huyện.

- Huy động, phát huy mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế để phát triển kinh tế - xã hội, vừa huy động các nguồn lực tại chỗ, kết hợp thu hút các nguồn lực từ bên ngoài, nhất là vốn đầu tư và khoa học công nghệ, tăng cường sự liên kết sản xuất kinh doanh. Ngoài việc thu hút dự án đầu tư vào cụm công nghiệp, cần liên kết phát triển theo các hình thức phù hợp.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có chính sách đào tạo một cách hệ thống đội ngũ lao động, lồng ghép với các chương trình đào tạo lao động chuyên từ nông nghiệp, lao động nông thôn, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài, nhất là công nhân và lao động kỹ thuật, các chuyên gia về công nghệ và quản lý, đội ngũ các doanh nhân.

- Giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo đảm an sinh xã hội, không ngừng nâng cao mức sống dân cư, giảm dần khoảng cách giàu nghèo và giảm sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn.

- Phát triển kinh tế phải gắn với ổn định chính trị, đảm bảo trật tự xã hội, nâng cao dân trí; tăng cường quốc phòng, an ninh; nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, xây dựng nền hành chính vững mạnh.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Giai đoạn 2011 - 2015, tập trung vào thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế và xã hội quan trọng, nhằm nâng cao mức sống dân cư một cách toàn diện, đưa huyện vượt qua ngưỡng địa bàn thu nhập thấp và theo hướng thực hiện các tiêu chí nông thôn mới; giai đoạn 2016 - 2020, tập trung cho hình thành và phát triển cơ cấu kinh tế thiên về công nghiệp và dịch vụ; các sản phẩm công nghiệp và dịch vụ không chỉ thỏa mãn nhu cầu tại chỗ mà còn trở thành những lợi thế mới, trao đổi với bên ngoài, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn huyện.

2. Mục tiêu cụ thể

a. Về kinh tế:

- GDP tăng trưởng với nhịp độ bình quân khoảng 11 - 12%/năm thời kỳ 2011 - 2015 và 14 - 15%/năm thời kỳ 2016 - 2020.

- Cơ cấu kinh tế năm 2015: Nông - ngư nghiệp 52,7%, Công nghiệp - xây dựng 25,4%, dịch vụ 21,9%; đến năm 2020: Nông - ngư nghiệp 34,8%, Công nghiệp - xây dựng 36,5%, dịch vụ 28,7%.

- Tích lũy nội bộ nền kinh tế so với GDP năm 2015 đạt 22 - 23%, đến năm 2020 đạt 24 - 25%.

- Phân đầu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm về tổng mức lưu chuyển hàng hóa và dịch vụ giai đoạn 2011 - 2020 là 19 - 20% (giá hiện hành).

- Xây dựng hoàn thiện và đồng bộ các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, đặc biệt là các công trình thuộc hệ thống giao thông và đô thị.

- Phân đầu mức thu ngân sách theo giá hiện hành trên địa bàn tăng bình quân hàng năm khoảng 22 - 23%/năm thời kỳ 2011 - 2020.

b. Về xã hội:

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giai đoạn 2011 - 2015 đạt 1,2%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 là 1,06%/năm.

- Tỷ lệ nghèo giảm bình quân mỗi năm 1,5 - 2%.

- Phân đầu đến năm 2015, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề khoảng 45 - 50% (đến năm 2020 là 60 - 65%); quỹ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn 85% (đến năm 2020 là 90%); phổ cập giáo dục trung học đúng độ tuổi quy định 80% (đến năm 2020 là 90%); tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm xuống 15% (đến năm 2020 dưới 10%); có 25 giường bệnh/vạn dân (đến năm 2020 là 32 giường bệnh/vạn dân). Đến năm 2020, có 07 bác sỹ và 01 dược sỹ đại học/vạn dân

- Tỷ lệ hộ được sử dụng điện 98% vào năm 2015 và tiếp tục nâng cao chất lượng những năm sau đó.

- Trên 95% số ấp được công nhận đạt chuẩn văn hóa.

- Duy trì 100% số Trạm y tế xã có bác sỹ.

- Tiêm chủng cho trẻ em đủ 8 - 10 loại vacxin đạt tỷ lệ trên 95%.

- Phân đầu đến năm 2020 có 5/7 xã hoàn thành 19 tiêu chí và được công nhận xã nông thôn mới; 02 xã còn lại đạt 80% tiêu chí trở lên.

c. Về môi trường:

- Năm 2015: Có 90% dân số khu vực đô thị và 70% dân số khu vực nông thôn được sử dụng nước sạch; Năm 2020 có 100% dân số khu vực đô thị và 85% dân số khu vực nông thôn sử dụng nước sạch.

- Thu gom, xử lý 85% chất thải rắn vào năm 2015 và 100% vào năm 2020.

- Duy trì tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải y tế 100%.

- Tăng cường năng lực quản lý môi trường và xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nằm xen kẽ trong khu dân cư vào cụm, điểm công nghiệp tập trung.

- Xây dựng hệ thống tiêu thoát nước mưa và nước thải của thị trấn Châu

Hung, khu hành chính huyện.

- Bảo tồn và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học.

- Tăng cường giáo dục và nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho người dân.

III: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Nông - ngư nghiệp

- Phần đầu tổng giá trị sản xuất nông - ngư nghiệp năm 2015 đạt khoảng 800 - 810 tỷ đồng, năm 2020 đạt khoảng 970 - 980 tỷ đồng (*giá so sánh 94*); nhịp độ tăng bình quân hàng năm giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 2,9 - 3%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 3,9 - 4%/năm. Tỷ trọng nông - ngư nghiệp trong cơ cấu kinh tế năm 2015 khoảng 52 - 53% và năm 2020 khoảng 34 - 35%.

- Tổng diện tích gieo trồng lúa năm 2015 khoảng 41.420 ha với sản lượng 222.200 tấn; năm 2020 tương ứng 42.550 ha, sản lượng 256.500 tấn. Sản lượng các loại cây lương thực khác dự kiến 1.500 tấn năm 2015 và 1.800 - 2.000 tấn năm 2020. Sản lượng trái cây khoảng 6,3 - 6,4 nghìn tấn năm 2015 và 6,4 - 6,5 nghìn tấn năm 2020. Sản lượng rau đậu 26 - 27 nghìn tấn năm 2015 và 27 - 28 nghìn tấn năm 2020. Ngoài các loại rau truyền thống cần phát triển các loại rau chất lượng cao, có giá trị dinh dưỡng, triển vọng về thị trường tiêu thụ. Hỗ trợ và quy hoạch vùng rau thực phẩm hàng hóa tại các vùng ven thị trấn, các khu dân cư.

- Về chăn nuôi, dự kiến năm 2015 đàn bò khoảng 1.000 con, đàn heo khoảng 65.000 con; năm 2020 đàn bò 1.200 con dự, đàn heo 70.000 con, đàn gia cầm khoảng 700.000 con. Phần đầu đến năm 2015 hình thành một số trang trại nuôi heo nạc, gà, vịt. Đầu tư cải tạo nâng cấp Trại sản xuất giống chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học thuộc Trung tâm Giống nông nghiệp - thủy sản Bạc Liêu.

- Đầu tư phát triển vùng nuôi trồng thủy sản theo hướng đa dạng hóa các loại thủy sản, vùng chuyên tôm và kết hợp trồng lúa, mô hình nuôi tôm - cá sinh thái bền vững, tạo sản phẩm có khả năng tiêu thụ trong nước và xuất khẩu cao.

- Dự kiến, giá trị sản xuất của ngành thủy sản đạt khoảng 290 tỷ đồng năm 2015 và 420 tỷ năm 2020. Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản tăng năm 2015 là 6.168 tấn, năm 2020 là 6.500 tấn; sản lượng cá nước ngọt hàng năm khoảng 430 - 450 tấn.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành chế biến nông, lâm, thủy sản nhằm nâng cao giá trị tại chỗ của các loại sản phẩm; khôi phục và phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp hiện có, đa dạng hóa các ngành nghề nông thôn nhằm giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho dân cư nông thôn, gắn kết chặt chẽ kinh tế nông thôn với kinh tế thành thị và các thị trường trong, ngoài nước; phát triển các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của dân cư trong huyện.

2. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng

- Phối hợp với tỉnh, các Bộ, Ngành Trung ương kêu gọi đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, nâng tỷ lệ chế biến nguyên liệu nông nghiệp, thủy sản lên 70 - 80%. Kêu gọi đầu tư xây dựng Nhà máy xay xát, đóng gói xuất khẩu gạo Tài Nguyên Vĩnh Lợi. Có cơ chế khuyến khích các nhà đầu tư đầu tư vào một số ngành sản xuất kinh doanh mới (*như: dệt, may, giày dép, đồ da, văn phòng phẩm, các mặt hàng tiêu dùng khác, các sản phẩm công nghệ cao*) có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Trong năm 2011 - 2015, kêu gọi sớm đầu tư Xí nghiệp may để tạo việc làm cho lao động của huyện.

- Dự kiến, giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng tăng lên 699,4 tỷ đồng năm 2015 và 1.504,7 tỷ đồng năm 2020; nhịp độ tăng trưởng đạt 24 - 25%/năm thời kỳ 2011 - 2015 và 18 - 19%/năm thời kỳ 2016 - 2020. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong cơ cấu kinh tế của huyện tăng từ 12% hiện nay lên 25 - 26% năm 2015 và 36 - 37% năm 2020. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tiến hành đầu tư cụm công nghiệp Hưng Hội - Hưng Thành, quy mô 50ha; cải tạo nâng cấp mạng lưới điện. Có chính sách trợ giúp hộ nghèo và gia đình chính sách vay vốn mắc điện kế nhằm tăng tỷ lệ hộ dùng điện lên 98% vào năm 2015.

- Dự kiến giá trị sản xuất của ngành xây dựng sẽ tăng từ 167,7 tỷ đồng hiện nay (*tính theo giá so sánh 1994*) lên 341 - 345 tỷ năm 2015 và 590 - 600 tỷ đồng vào năm 2020.

3. Phát triển thương mại - dịch vụ và du lịch

- Dự kiến nhịp độ tăng trưởng khu vực dịch vụ khoảng 19 - 20%/năm trong giai đoạn 2011 - 2015 và 23 - 24%/năm trong giai đoạn 2016 - 2020. Từng bước nâng cao tỷ trọng kinh tế dịch vụ trong nền kinh tế lên 21 - 22% năm 2015 và khoảng 28 - 29% năm 2020.

- Phân đầu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tăng lên 1.690 - 1.695 tỷ đồng năm 2015 và trên 4.450 - 4.460 tỷ đồng năm 2020, tăng bình quân 17 - 18%/năm giai đoạn 2011-2015 và 21 - 22% giai đoạn 2016 - 2020.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, trùng tu một số cơ sở du lịch văn hóa; xây dựng các tuyến, điểm du lịch (*văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng, sinh thái*); mở rộng hệ thống nhà hàng khách sạn theo hướng phù hợp với nhu cầu phát triển của thị trấn mới; tạo điều kiện gắn Vĩnh Lợi vào các tuyến du lịch qua các tỉnh ở Đồng bằng sông Cửu Long.

- Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ vận tải đường bộ và đường thủy là 2 loại hình vận tải có lợi thế của huyện. Dự báo giá trị sản xuất ngành vận tải đạt khoảng 99 - 100 tỷ đồng năm 2015 và 199 - 200 tỷ đồng vào năm 2020. Khối lượng hàng hóa luân chuyển năm 2015 là 37 - 38 triệu tấn/km, luân chuyển hành khách 109 - 110 triệu hành khách/km và năm 2020 tương ứng là 52 - 53 triệu tấn/km và 167 - 168 triệu hành khách/km.

- Đảm bảo cung cấp cho đại đa số người dân những dịch vụ bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình một cách đa dạng, phong phú, chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu và thu nhập của mọi đối tượng.

- Tạo điều kiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Ngân hàng thương mại, gắn các hoạt động ngân hàng, tín dụng với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, trong đó tập trung đầu tư phát triển nông - ngư nghiệp, nhất là nuôi trồng thủy - hải sản.

- Huy động các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng các chợ thương mại bao gồm xây dựng chợ loại II, trung tâm thương mại ở thị trấn Châu Hưng, củng cố các chợ trung tâm cụm xã. Thành lập các Doanh nghiệp hay Hợp tác xã kinh doanh, quản lý chợ hoạt động theo quy định của pháp luật. Đầu tư hệ thống chợ nông thôn theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng quy định, đồng bộ với quy hoạch các cụm tuyến dân cư và các quy hoạch liên quan khác.

4. Các lĩnh vực xã hội

- Giáo dục đào tạo:

Đến 2015, đảm bảo 30 - 35% trẻ em dưới 3 tuổi đi nhà trẻ, 70 - 75% trẻ em 3 - 5 tuổi đi mẫu giáo, 90% trẻ 5 tuổi học mẫu giáo chuẩn bị vào lớp 1. Đến năm 2020, 40 - 45% trẻ em dưới 3 tuổi đi nhà trẻ, 80 - 85% trẻ em 3 - 5 tuổi đi mẫu giáo và 99% trẻ 5 tuổi học mẫu giáo chuẩn bị vào lớp 1. Dự báo số học sinh nhà trẻ mẫu giáo khoảng 4.600 cháu năm 2015 và 6.950 cháu vào năm 2020. Phần đầu đến năm 2020 có 95% học sinh tiểu học và trung học cơ sở đi học đúng tuổi; 80% thanh niên trong độ tuổi có trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương.

Phát triển các hình thức đào tạo nghề để từng bước nâng tỷ lệ lao động xã hội qua đào tạo đạt 45 - 50% vào năm 2015 và 60 - 65% vào năm 2020. Trong đó, chú trọng các hình thức truyền nghề, dạy nghề trực tiếp. Các hình thức đào tạo có thể áp dụng ở Vĩnh Lợi bao gồm: Đào tạo tập trung, đào tạo tại chức, từ xa, đào tạo thông qua công việc, đào tạo thông qua hội thảo.

- Y tế - chăm sóc sức khỏe nhân dân:

Phần đầu để mọi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu và từng bước nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho mọi người; giảm tỷ lệ nhiễm mắc bệnh, nâng cao chất lượng khám và chữa bệnh. Tiếp tục củng cố tuyến y tế cơ sở, có chính sách đối với y, bác sĩ ở tuyến xã. Tiếp tục thực hiện chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình; đẩy mạnh công tác y tế dự phòng, đồng thời, kế thừa và phát triển y học dân tộc, khuyến khích phát triển y học cổ truyền, thực hiện Đông - Tây y kết hợp.

- Văn hóa thông tin và thể thao:

Phần đầu đến năm 2020, huyện Vĩnh Lợi trở thành huyện văn hóa, có đủ các thiết chế văn hóa, có nhà văn hóa và thư viện; đến năm 2015 có 95% số

khóm, áp đạt khóm, áp văn hóa và số gia đình đạt chuẩn văn hóa là 90%; đến năm 2020 có 98% số khóm, áp đạt khóm áp văn hóa và số gia đình đạt chuẩn văn hóa là 96%. Các nhà văn hóa, khu thể thao xã, ấp, khóm đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch. Hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa, trạm truyền thanh đối với các cụm - tuyến dân cư nông thôn; trùng tu các di tích lịch sử do cấp huyện quản lý; đến năm 2020 có sân vận động cấp huyện.

- Giảm nghèo và các vấn đề an sinh xã hội khác:

Tiếp tục thực hiện các chương trình giải quyết việc làm, giảm nghèo và các vấn đề xã hội, bức xúc khác. Phân đầu giảm tỷ lệ nghèo (*theo tiêu chuẩn quốc gia*) bình quân mỗi năm 1,5 - 2%. Huy động các nguồn lực, các tổ chức xã hội tham gia thực hiện phong trào tạo việc làm cho người nghèo, mở rộng và đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, khuyến khích các Doanh nghiệp tổ chức dạy nghề, nhận người nghèo vào làm việc ổn định; khuyến khích các hộ thoát nghèo học tập nâng cao dân trí; hạn chế tình trạng bỏ học của trẻ em, nhất là trẻ em nghèo...; có cơ chế huy động các Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động vì người nghèo, xây dựng nhà ở cho người nghèo.

Về an sinh xã hội, tiếp tục thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công với nước. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác đền ơn đáp nghĩa. Phát triển kinh tế xã hội vùng có đông đồng bào dân tộc Khmer, có các chính sách hỗ trợ phù hợp như: Giảm miễn đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng, trợ giá trợ cước, chế độ đào tạo theo cử tuyển, phát triển văn hóa truyền thống dân tộc; tiếp tục kêu gọi xây dựng các căn nhà tình nghĩa, tình thương.

Đẩy mạnh công tác phòng chống các tệ nạn xã hội; tăng cường và nâng cao hiệu quả cuộc vận động xây dựng xã, thị trấn lành mạnh, không có tệ nạn xã hội gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa mới”.

5. Định hướng khoa học, công nghệ

Tiếp tục ứng dụng và tổ chức tổng kết ứng dụng các hoạt động khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống. Các hoạt động khoa học công nghệ tập trung thông qua các chương trình khuyến nông, khuyến ngư và khuyến công. Khuyến khích các đơn vị, hộ gia đình ứng dụng, xây dựng các mô hình sản xuất sử dụng giống mới, quy trình sản xuất sạch cho năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Tăng cường công tác chọn giống phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng tiểu vùng, năng suất cao, chất lượng tốt nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, không nhập các loại vật liệu, công nghệ gây ô nhiễm.

6. Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng

Tiếp tục đầu tư xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là mạng lưới giao thông, thủy lợi theo Quy hoạch để tạo điều kiện thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chú trọng công tác quy hoạch và đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị thị trấn Châu Hưng và

trung tâm xã Vĩnh Hưng, triển khai xây dựng Khu hành chính huyện và các công trình dân dụng.

- **Hệ thống giao thông:** Tiếp tục phối hợp đầu tư làm mới và nâng cấp hệ thống giao thông trên địa bàn huyện do Trung ương và tỉnh quản lý. Đối với giao thông nông thôn, phấn đấu là một trong những huyện về đích sớm trong phong trào giao thông nông thôn của tỉnh. Hoàn thành giai đoạn 1, bê tông hóa đường từ xã xuống ấp và liên ấp, đảm bảo xe hai bánh đi lại thông suốt. Từng bước nhựa hóa ở những khu vực đông dân cư, đầu mối giao thông; triển khai dự án đầu tư xây dựng giao thông nông thôn ở các xã nghèo (*nguồn vốn ODA*). Phấn đấu hoàn chỉnh mạng lưới giao thông nhựa và bê tông trên địa bàn huyện.

- **Thủy lợi:** Hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi, đảm bảo phục vụ sản xuất, phát triển giao thông kết hợp với bố trí dân cư, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ đời sống và tài sản của nhà nước và nhân dân. Tiếp tục đầu tư khép kín hệ thống thủy lợi, đảm bảo khả năng thâm canh, tăng vụ. Những vấn đề cơ bản đặt ra cho thủy lợi Vĩnh Lợi những năm tới là đảm bảo ngăn mặn, giữ và dẫn ngọt. Đối với diện tích một vụ lúa - một vụ tôm, hệ thống thủy lợi cần đảm bảo cho hệ thống luân canh ổn định, lấy nước và tiêu nước hợp lý, đề phòng và hạn chế mặn xâm nhập sớm về cuối vụ lúa.

- **Cấp điện:** Tiếp tục đầu tư phát triển nhanh lưới điện nông thôn. Phấn đấu đưa tỷ lệ số hộ được sử dụng điện từ 95,23% (20.380 hộ) năm 2010 lên 98% số hộ (khoảng 21.130 hộ) năm 2015 và 100% (23.800 hộ) năm 2020.

- **Bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin:** Tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng bưu chính viễn thông hiện đại, đồng bộ với công nghệ tiên tiến, đáp ứng nhu cầu phát triển dịch vụ và ứng dụng công nghệ thông tin; bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt trong mọi tình huống. Triển khai tự động hóa trong cung cấp một số loại hình dịch vụ của huyện; ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý hành chính, quản lý nhà nước trên địa bàn huyện. Có cổng điện tử kết nối các cơ quan, đơn vị trong huyện với các xã và với các cơ quan, đơn vị trong tỉnh. Từng bước thực hiện qua mạng các hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong Huyện.

- **Hạ tầng cấp - thoát nước:** Đầu tư hệ thống cấp nước sinh hoạt và hệ thống thoát nước cho các điểm đô thị phù hợp với quy mô và nhịp độ phát triển các đô thị, trước mắt, ưu tiên đầu tư cấp nước cho khu vực thị trấn Châu Hưng, cụm công nghiệp Hưng Hội - Hưng Thành. Tăng cường đầu tư cấp nước sinh hoạt nông thôn, chú trọng phát triển hệ thống cấp nước nối mạng. Phát huy hiệu quả các dự án cấp nước sạch hiện có trên địa bàn.

7. Bảo vệ tài nguyên, môi trường

Tổ chức thực hiện tốt các chương trình liên quan đến phát triển bền vững của tỉnh; quy hoạch tổng thể về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Chú ý các nội dung về bảo vệ tài nguyên đất đai theo Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt; thực hiện tốt các mục tiêu, giải pháp

về bảo vệ môi trường, chú trọng đến các vấn đề về nước thải, rác thải đối với các hộ gia đình, trường học, trạm y tế, trụ sở, chợ, các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và chất thải chăn nuôi; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc quan trắc, đánh giá mức độ các nguồn xả thải và khả năng chịu tải của môi trường theo chương trình của tỉnh. Tìm nguồn đầu tư các công trình xử lý nước thải, các loại chất thải rắn, chất thải y tế.

8. An ninh, quốc phòng

Tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh; tăng cường công tác giáo dục quốc phòng, an ninh làm cho các cấp, các ngành và nhân dân nhận thức đầy đủ hơn về yêu cầu, nhiệm vụ của công tác quốc phòng, an ninh trong tình hình mới. Xây dựng “thế trận lòng dân” gắn với “thế trận an ninh nhân dân” làm nền tảng phát huy sức mạnh tổng hợp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Chủ động phối hợp trong thực hiện xây dựng khu vực phòng thủ kết hợp với tăng cường công tác phòng, chống hoạt động “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch và xử lý tình huống, không để bị động, bất ngờ. Kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với quốc phòng an ninh.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN

1. Phân vùng sản xuất nông nghiệp và thủy sản

Mặc dù trên quy mô toàn tỉnh, tiểu vùng chuyển đổi (*mặn hóa*) ở Bắc Quốc Lộ 1A được mở rộng (*không giới hạn bởi kênh Quản Lộ - Vĩnh Lợi như trước đây mà là kênh Quản Lộ - Ngạn Dừa*) nhưng cơ cấu sử dụng đất trên địa bàn Vĩnh Lợi thay đổi không đáng kể. Trên phần lớn diện tích cây hàng năm sẽ ổn định mô hình canh tác 02 vụ lúa - màu (*bắp, đậu đỗ,...*) và 500 ha cây hàng năm khác; duy trì 1.100 ha cây ăn quả và cây lâu năm khác; 2.300 - 2.500 ha nuôi trồng thủy sản, trong đó 600 - 700 ha là chuyên nuôi tôm nước lợ, phân bố ngoài đê bao ngăn mặn giáp với tỉnh Sóc Trăng thuộc các xã Châu Hưng, Hưng Thành và ngoài đê bao ngăn mặn dọc sông Bạc Liêu (*thuộc xã Hưng Hội*); 1.308 ha kết hợp lúa - tôm tại Hưng Thành xu hướng chuyển về sản xuất lúa ổn định và khoảng 430 - 500 ha chuyên nuôi cá nước ngọt.

2. Phát triển đô thị, nông thôn và dân cư

- Sau năm 2015, mức độ đô thị hóa của huyện Vĩnh Lợi sẽ nhanh hơn hiện nay. Dự báo, dân số đô thị của huyện Vĩnh Lợi đạt 18% vào năm 2015 và khoảng 28% vào năm 2020. Ngoài thị trấn Châu Hưng, dự kiến sẽ hình thành khu đô thị mới Tân Long, xã Long Thạnh trong các năm 2016 - 2020, thành lập thêm thị trấn Vĩnh Hưng, quy mô dân số vào năm 2020 khoảng 13 - 14 nghìn người; chuẩn bị các điều kiện thành lập thị trấn Hưng Thành.

- Phân đầu sớm hoàn thành công tác lập Quy hoạch nông thôn mới cho các xã; năm 2015, sẽ có xã Châu Thới hoàn thành 19 bộ tiêu chí nông thôn mới và xã Châu Hưng A hoàn thành 80% tiêu chí; đồng thời, triển khai mở rộng ra các xã khác, từng bước thực hiện xây dựng nông thôn mới một cách toàn diện. Phân đầu đến năm 2020, có 5/7 xã hoàn thành 19 bộ tiêu chí và được công nhận xã nông thôn mới, 02 xã còn lại đạt 80% tiêu chí trở lên.

- Phát triển các khu, tuyến, điểm dân cư gắn liền với cụm công nghiệp, tuyến, điểm du lịch trên địa bàn huyện. Đầu tư xây dựng khu dân cư huyện tại ấp Xẻo Chích quy mô 36 ha.

V. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

1. Các chương trình trọng điểm

- Chương trình nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản;

- Chương trình xây dựng nông thôn đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

- Chương trình thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp;

- Chương trình bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực;

- Chương trình chuẩn y tế;

- Chương trình giảm nghèo, dạy nghề giải quyết việc làm cho lao động nông thôn và đảm bảo an sinh xã hội.

2. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư: Theo phụ lục đính kèm.

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp về nguồn vốn đầu tư

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư để thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Vĩnh Lợi đến năm 2020 khoảng 18.515 tỷ đồng (*giá hiện hành*), gồm:

+ Giai đoạn 2011 - 2015, khoảng 4.875 tỷ đồng, bình quân 975 tỷ đồng/năm, bằng khoảng 39 - 40% tổng giá trị tăng thêm hàng năm của huyện.

+ Giai đoạn 2016 - 2020, khoảng 13.640 tỷ đồng, bình quân 2.728 tỷ đồng/năm, bằng khoảng 47 - 48% tổng giá trị tăng thêm hàng năm của huyện.

- Nguồn vốn:

+ Nguồn vốn Ngân sách Nhà nước các cấp chiếm khoảng 30 - 33% tổng nhu cầu vốn đầu tư. Nguồn vốn tín dụng nhà nước dự kiến khoảng 3 - 4% nhu cầu vốn đầu tư.

+ Đầu tư của các thành phần kinh tế khác: Do nguồn vốn đầu tư công hạn hẹp nên việc huy động các nguồn vốn tư nhân tham gia đầu tư phát triển là rất quan trọng, kể cả đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư các công trình

hạ tầng, phúc lợi công cộng. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các ngành nghề Nhà nước không cấm, ưu tiên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Thực hiện đồng bộ các biện pháp huy động vốn trong dân đầu tư vào phát triển sản xuất, kinh doanh. Sử dụng hiệu quả vốn của các chương trình dự án.

2. Phát triển nguồn nhân lực

- Trong giai đoạn quy hoạch, nguồn nhân lực có vai trò quyết định, đảm bảo khả năng cạnh tranh cho nền kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trước hết, thực hiện tốt chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn, trang bị cho người lao động cả kỹ thuật sản xuất, kỹ năng kinh doanh đến trình độ quản lý, tổ chức đời sống; thực hiện hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề cho lao động từ nông nghiệp sang các ngành nghề khác.

- Bố trí, sắp xếp sử dụng tốt đội ngũ cán bộ cấp huyện, cấp xã hiện có, có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng để đủ năng lực công tác, khuyến khích và tạo điều kiện để cán bộ kỹ thuật, sinh viên ra trường trở về địa phương công tác, nhất là đối với sinh viên đồng bào dân tộc.

3. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững

- Trong giai đoạn phát triển tới, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất và đời sống là cần thiết và cấp bách, thông qua đó tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh sản phẩm, hàng hóa; đồng thời, đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong tất cả các lĩnh vực.

- Tranh thủ sự hỗ trợ của Tỉnh, Trung ương thực hiện các dự án quan trắc, giám sát biến động môi trường nước, môi trường đất và không khí vùng chuyên tôm, vùng chuyển dịch sản xuất tôm - lúa. Thường xuyên kiểm tra và khuyến cáo nông dân không sử dụng các hóa chất độc hại gây ô nhiễm đối với các vùng nuôi tôm. Có kế hoạch bảo vệ xử lý môi trường đối với khu vực thị trấn mới Châu Hưng, các cụm công nghiệp, làng nghề đang hình thành trên địa bàn.

4. Xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, quản lý phù hợp

- Cùng với sự lớn mạnh của quy mô sản xuất, nhu cầu liên kết sản xuất giữa các hộ gia đình tất yếu sẽ xuất hiện. Để có thể khai thác hiệu quả và nhanh chóng những lợi thế của huyện, cần khuyến khích phát triển loại hình kinh tế hợp tác xã và hợp tác, nhất là ở các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên môn hóa lớn, phát triển các làng nghề thủ công.v.v... Thông qua kinh tế hợp tác, thực hiện cung cấp các dịch vụ sản xuất, thực hiện ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp, làm đầu mối thông tin thị trường, hướng dẫn kỹ thuật mới...

- Cải cách hành chính với trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính công, đổi mới tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước các cấp. Tiếp tục kiện toàn bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ chính quyền có đủ năng lực, phẩm chất đủ sức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, chế độ công khai minh bạch thông tin cho nhân dân biết về chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, của chính quyền địa phương để nhân dân cùng tham gia thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lợi tổ chức công bố công khai Quy hoạch đến các cấp, các Ngành, các thành phần kinh tế và nhân dân trong huyện biết để triển khai thực hiện; cụ thể hóa các mục tiêu và nội dung của Quy hoạch bằng các kế hoạch 05 năm, hàng năm để thực hiện có hiệu quả. Hàng năm có đánh giá kết quả thực hiện Quy hoạch, trên cơ sở đó tiến hành rà soát, kiến nghị việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cho phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của huyện trong từng thời kỳ.

2. Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm: Xem xét điều chỉnh, bổ sung vào Quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan; đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, các dự án có quy mô, tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của huyện, của tỉnh trên địa bàn huyện Vĩnh Lợi thuộc phạm vi phụ trách để làm căn cứ cho huyện triển khai thực hiện Quy hoạch này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài Chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lợi; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (thay báo cáo);
- Như điều 3;
- TT Huyện ủy, HĐND huyện Vĩnh Lợi;
- CT, các PCT;
- CVP, PCVP TH;
- Lưu VT, T (QH13).



Lê Thị Minh Ngọc

Phu lục:

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **1424/QĐ-UBND** ngày **11** tháng **6** năm **2012**
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

STT	DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN
I	NÔNG NGHIỆP
1	Hệ thống ô thủy lợi Đông Nàng Rền
2	Dự án HT ngăn mặn phía Đông Nàng Rền
3	Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp trại sản xuất giống chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học thuộc Trung tâm Giống nông nghiệp - thủy sản Bạc Liêu
4	Dự án đầu tư CSHT vùng nuôi tôm CN, BCN xã Long Thạnh, huyện Vĩnh Lợi
5	Xây dựng vùng sản xuất lúa chất lượng cao
6	Dự án chăn nuôi heo
7	Dự án chăn nuôi trâu và bò
8	Dự án chăn nuôi gia cầm
9	Dự án xây dựng lò giết mổ tập trung
10	Dự án tăng cường năng lực thú y
11	Chương trình trồng trọt
II	CÔNG NGHIỆP
1	Vật liệu xây dựng gạch tuynel
2	May công nghiệp
3	Dự án đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp Hưng Hội- Hưng Thành
III	DỊCH VỤ, VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
1	Nâng cấp mở rộng đền thờ Bác Hồ - xã Châu Thới
2	Trung tâm VH TT huyện
3	Dự án trùng tu tôn tạo Tháp cổ Vĩnh Hưng
IV	GIAO THÔNG VẬN TẢI
1	Nâng cấp đường Bạc Liêu đi Hưng Thành
V	CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN Y TẾ - XÃ HỘI
1	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Lợi
2	Trung tâm Y tế huyện
3	Trung tâm Dân số KHHGD
VI	CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ
1	Dự án đầu tư xây dựng Trường trung cấp nghề Bạc Liêu
2	Trường THPT Vĩnh Hưng
3	Trường THPT Vĩnh Lợi
4	Trường THCS dân tộc nội trú Vĩnh Lợi
VII	CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN VỀ HẠ TẦNG ĐÔ THỊ, CÔNG CỘNG, MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC NGÀNH KHÁC
1	Hạ tầng khu hành chính huyện Vĩnh Lợi
2	Dự án Ban CHQS huyện Vĩnh Lợi
3	Trung tâm huấn luyện nghiệp vụ Công an tỉnh Bạc Liêu
4	Dự án trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Bạc Liêu
5	Xây dựng trạm cấp nước sạch thị trấn Châu Hưng
IX	CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
1	Khu công nghệ sinh học tỉnh Bạc Liêu
2	Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao KHCN huyện Vĩnh Lợi



Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn, và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.